

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch;
Bà Đào Thị Giang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:* Ông Phan Đăng Định - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 804/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1992;

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1990;

Cùng trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu; bà và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2013 ngày 14/6/2013. Thời gian gần một năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc, sau đó giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông H thường xuyên nhậu nhẹt, đi chơi đến gần sáng mới về nhà và không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông H không thay đổi lại còn đánh đập bà. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

+ Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Trần Quốc Bảo N, sinh ngày 17/7/2014 và Trần Ngọc Bảo R, sinh ngày 31/7/2017. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuy nhiên, bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- *Phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:*

+ *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

+ *Về đường lối giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1 Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Trần Văn H có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2013 ngày 14/6/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông H là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, bà T trình bày trong thời gian chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông H thường xuyên đi chơi đến rạng sáng mới về nhà, không quan tâm chăm sóc vợ con và có lần còn đánh đập bà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa án làm việc nhưng ông H không có mặt; Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H; Tuy nhiên, ông H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng chăm sóc con chung.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được; Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T, ông H được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Bà T, ông H có 02 con chung là Trần Quốc Bảo N, sinh ngày 17/7/2014 và Trần Ngọc Bảo R, sinh ngày 31/7/2017. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy bà T đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai con chung là Trần Quốc Bảo N, sinh ngày 17/7/2014 và Trần Ngọc Bảo R,

sinh ngày 31/7/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. *Về con chung:* Giao hai con chung là Trần Quốc Bảo N, sinh ngày 17/7/2014 và Trần Ngọc Bảo R, sinh ngày 31/7/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005865 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom được tính trừ vào tiền án phí bà T phải nộp. Bà T đã nộp đủ án phí.

4. *Thi hành bản án của Tòa án:* Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30.

5. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Trảng Bom;
- Ủy ban nhân dân xã Quảng Tiến;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trinh

